

Số: 261/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 344/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị V, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã M, tỉnh Tuyên Quang;

Bị đơn: Anh Triệu Xuân N, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã M, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; khoản 7 Điều 26; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Lò Thị V và bị đơn anh Triệu Xuân N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lò Thị V và anh Triệu Xuân N thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Sau khi ly hôn giao cháu Triệu Quốc P, sinh ngày 16/01/2014 cho anh Triệu Xuân N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo

dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Lù Thị V tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000183 ngày 20/7/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Lù Thị V 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 4 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Cử